

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/DS-ST
Ngày: 26/02/2021
Về việc “*Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Sương.
2. Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Thành L, sinh năm 1977 (có mặt);
Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Chị Trần Yên T, sinh năm 1982 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Thành L trình bày:

Giữa anh và vợ chồng chị T có mối quan hệ thân thích với nhau. Do chị T cần tiền để giải quyết công việc gia đình nên ngày 03/10/2019 anh cho chị T vay số tiền 20.000.000 đồng; thỏa thuận khi nào anh cần thì chị T phải trả lại; giao dịch có làm giấy mượn nợ do chị T trực tiếp viết và ký tên; hai bên thỏa thuận

không lãi suất. Đến khoảng 06 tháng sau anh cần tiền yêu cầu chị T trả nợ nhưng chị T chỉ hứa hẹn kéo dài.

Anh yêu cầu chị T trả số tiền còn nợ 20.000.000 đồng, trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Bị đơn chị Trần Yến T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Chị Trần Yến T đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng chị T không tham gia tố tụng, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Trần Yến T có nơi cư trú tại ấp L, xã L, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Yến T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[3] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Theo giấy mượn nợ (BL: 45) nguyên đơn cung cấp cho Tòa án có chữ ký của chị T nội dung thể hiện ngày 03/10/2019 chị T có vay số tiền 20.000.000 đồng của anh L. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn giao nộp cho bị đơn; nội dung Thông báo về việc thụ lý vụ

án có nêu rõ anh L yêu cầu chị T có nghĩa vụ trả số tiền vay 20.000.000 đồng nhưng chị T không thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu của anh L. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, việc chị T có vay số tiền 20.000.000 đồng của anh L là có thật.

Chị T là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật, tham gia giao dịch với ý chí tự nguyện nên hợp đồng vay tài sản giữa anh L và chị T là có hiệu lực pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm sự thỏa thuận giữa hai bên. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...”*. Do vậy, anh L có quyền yêu cầu chị T có nghĩa vụ trả lại số tiền đã cho vay để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do đó, Hội đồng xét xử buộc chị T có nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của anh L là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

- Về tiền lãi: Anh L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Trong vụ án này, yêu cầu của anh L được chấp nhận toàn bộ nên chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thành L.

Buộc chị Trần Yến T có nghĩa vụ trả cho anh Phan Thành L số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

Chị Trần Yến T phải nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phan Thành L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên

lại thu số 0016930 ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phan Thành L được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị Trần Yên T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú